|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔNTỔNG CỤC THUỶ SẢN  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**NHU CẦU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHÍNH SÁCH**

**THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC TRUNG TÂM NGHỀ CÁ LỚN**

*(Tài liệu phục vụ Hội nghị ngày 11/2/2019 tại TP. Nha Trang, Khánh Hòa)*

**I. TỔNG QUAN NGÀNH THỦY SẢN**

**1. Kết quả sản xuất thủy sản**

Trong giai đoạn 2010-2017, ngành thủy sản đạt mức tăng trưởng bình quân 4,7%/năm, trong đó giá trị sản xuất trong khai thác đạt 4,4%/năm và nuôi trồng đạt 4,9%/năm. **Giá trị tổng sản phẩm** thủy sản (GDP) đạt tốc độ tăng 4,5%/năm. Sản lượng thủy sản đạt tốc độ tăng trung bình 5,0%/năm, giá trị xuất khẩu đạt 7,4%/năm.

Năm 2017, **tổng sản lượng** thủy sản đạt trên 7,2 triệu tấn, tốc độ trung bình 5,0%/năm cả giai đoạn 2011-2017. Trong đó, sản lượng khai thác đạt trên 3,3 triệu tấn, tăng 4,9%/năm; sản lượng nuôi trồng đạt trên 3,8 triệu tấn, tăng 5,7%/năm. **Kim ngạch xuất khẩu** đạt 8,3 tỷ USD, tăng trung bình 7,4%/năm; trong đó tôm đạt 3,85 tỷ USD (đứng thứ 2 thế giới năm 2015), cá tra 1,79 tỷ USD (luôn duy trì vị trí số 1), mực và bạch tuộc 620 triệu (đứng thứ 5 năm 2015), cá ngừ 592 triệu USD (đứng thứ 8 năm 2015). Sản phẩm thủy sản đã có mặt tại 156 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó tôm đã có mặt tại 93 thị trường, cá tra 142 thị trường, cá ngừ 90 thị trường.

Kết quả sản xuất thủy sản đến hết năm 2017 cho thấy tốc độ tăng trưởng được duy trì liên tục và ở mức độ khá cao. Trong đó, nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh hơn khai thác, giữ vững được vị thế đối với 2 sản phẩm chủ lực là cá tra và tôm. Đồng thời với việc giảm số lượng tàu cá (giảm trên 13 nghìn tàu trong 10 năm qua) và hạn chế khai thác ven bờ ngành thủy sản đã đẩy mạnh việc đẩy mạnh phát triển đội tàu khai thác xa bờ hiện đại, công suất lớn với trên gần 28 nghìn tàu cá có chiều dài hơn 25m. Chất lượng nguyên liệu thủy sản tiếp tục được nâng lên thông qua áp dụng quy trình nuôi tiên tiến của thế giới (ASC, BAP, GlobalGAP,...) cùng với tăng cường chế biến sản phẩm giá trị gia tăng đã góp phần đưa sản phẩm thủy sản xuất khẩu đến nhiều thị trường hơn, tốc độ tăng giá trị kim ngạch nhanh hơn sản lượng (7,4%/năm so với 5 %/năm).

Bảng. **Kết quả sản xuất thủy sản so với chỉ tiêu đề ra**

| **Nội dung** | **Chỉ tiêu đến 2020** | **Thực hiện năm 2017** | **Dự kiến 2018** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chiến lược phát triển thủy sản** |
| 1. Tỷ trọng GDP thủy sản/GDP NLTS
 | 30-35% | **22,2%** | **22,2%** |
| 1. Tổng sản lượng thủy sản
 | 6,5-7 triệu tấn | **7,1** triệu tấn | **7,5** triệu tấn |
| 1. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản
 | 8-9 tỷ USD | **8,3** tỷ USD | **9,8** tỷ USD |
| **QH tổng thể, Đề án tổ chức lại khai thác, Đề án Tái cơ cấu thủy sản** |
| 1. Sản lượng khai thác
 | 2,4-2,6 triệu tấn | **3,3** | **3,5** |
| 1. Sản lượng nuôi trồng
 | 4,1-4,4 triệu tấn | **3,8** | **4,0** |
| 1. Số lượng tàu cá
 | < 110 nghìn tàu | **109,6** | **109,6** |
| 1. Sản lượng tôm
 | 700 nghìn tấn | **680** | **680** |
| 1. Giống thủy sản đối tượng chủ lực (cá tra, tôm)
 | 100% | **100%** | **100%** |

**2. Tình hình đầu tư vào hạ tầng thủy sản**

Để xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng ngành thủy sản đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sản xuất đòi hỏi nguồn vốn đầu tư rất lớn, tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 vào khoảng **49.248 tỷ đồng**.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2020 tổng vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho ngành thủy sản khoảng **7.520 tỷ đồng** *(bao gồm: Vốn NSTW 5.394 tỷ đồng; vốn ODA 1.585 tỷ đồng; vốn BĐ-HĐ 540 tỷ đồng),* chỉ chiếm khoảng 9,7% tổng nguồn vốn toàn ngành nông nghiệp *(77.470 tỷ đồng)*, đáp ứng khoảng 15% nhu cầu theo quy hoạch *(49.248 tỷ đồng).* Nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư, trái phiếu chính phủ không thể tăng do thu ngân sách khó khăn, thắt chặt đầu tư công.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHU CẦU VÀ CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC TRUNG TÂM NGHỀ CÁ LỚN**

**1. Căn cứ pháp lý:**

- Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (điểm 4 mục III).

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (khoản 6 Điều 4).

**1. Quan điểm**

Huy động mạnh mẽ, có hiệu quả mọi nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư các Trung tâm nghề cá lớn), từng bước giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, tạo môi trường đầu tư bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh và hiệu quả, đảm bảo lợi ích hài hòa của nhà nước và nhà đầu tư. Trong đó:

- Đẩy mạnh thực hiện các hình thức dự án PPP kể cả có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng cho cảng cá động lực trong Trung tâm nghề cá lớn, cảng cá loại 1.

- Mở rộng cho khối tư nhân được sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi để đầu tư tất cả các kết câu hạ tầng thủy sản phục vụ cộng đồng.

**2. Mục tiêu**

Đến năm 2030, hình thành và tổ chức hoạt động 65trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm, tạo sức hút, tạo động lực cho ngành thủy sản phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa hiệu quả và bền vững được phê duyệt tại Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013).

 Các trung tâm nghề cá lớn gắn kết với các ngư trường trọng điểm bảo đảm đồng bộ, hiện đại; có cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu khai thác xa bờ; có cơ sở sản xuất nước đá, hệ thống kho lạnh, chợ đầu mối thủy sản, các cơ sở sản xuất ngư cụ, thiết bị nghề cá.

Ưu tiên đầu tư cảng cá loại I kết hợp khu neo đậu tránh trú bão có khả năng thu hút tàu cá của nhiều địa phương, kể cả tàu cá nước ngoài, đến bốc dỡ thủy sản, thực hiện các dịch vụ nghề cá khác và là đầu mối phân phối hàng thủy sản tại khu vực, nhằm hình thành hạt nhân của trung tâm nghề cá lớn (cảng cá động lực).

**3. Nội dung đầu tư các Trung tâm nghề cá lớn**

a) Nhu cầu vốn đầu tư đối với các Trung tâm nghề cá lớn:

Tại Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định hình thành 5 Trung tâm nghề cá lớn gắn với các ngư trường trọng điểm:

- Trung tâm nghề cá Hải Phòng, gắn với ngư trường Vịnh Bắc bộ;

- Trung tâm nghề cá Đà Nẵng, gắn với ngư trường Biển Đông và Hoàng Sa;

- Trung tâm nghề cá Khánh Hòa, gắn với ngư trường Nam Trung bộ và Trường Sa;

- Trung tâm nghề cá Bà Rịa - Vũng Tàu, gắn với ngư trường Đông Nam bộ;

- Trung tâm nghề cá Kiên Giang, gắn với ngư trường Tây Nam bộ;

- Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ, gắn với vùng nuôi trồng thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long.

*(Chức năng, thành phần chính tại 6 Trung tâm nghề cá tại phụ lục kèm theo)*

Để triển khai Quyết định 1445/QĐ-TTg, ngành thủy sản tập trung đầu tư xây dựng 5 Trung tâm nghề cá lớn, nhu cầu vốn đầu tư 5 Trung tâm nghề cá lớn là rất lớn. Tổng nhu cầu vốn đầu tư ước tính khoảng 14.900 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách Trung ương: Khoảng 5.800 tỷ, chiếm khoảng 39% tổng nhu cầu. Thực hiện đầu tư: các hạng mục công trình kỹ thuật; mua sắm thiết bị; chi phí quản lý, tư vấn..

- Vốn ngân sách địa phương: Khoảng 800 tỷ đồng, chiếm khoảng 5,5% tổng nhu cầu. Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng …

- Vốn huy động khác (PPP; vốn tư nhân): khoảng 8.300 tỷ đồng, chiêm khoảng 55,5 % tổng nhu cầu. Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình phục vụ sản xuất; đầu tư cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá…

Bảng. Nhu cầu vốn đối với 5 Trung tâm nghề cá gắn với ngư trường trọng điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đầu tư** | **Nhu cầu nguồn vốn** | **Ghi chú** |
| **Tổng cộng** | ***Trong đó:*** |
| NSTW | NSĐP | Vốn khác |
| 1 | Trung tâm nghề cá lớn Hải Phòng | 3.750 | 1.020 | 60 | 2.670 | Dự kiến  |
| 2 | Trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang  | 2.210 | 1.289 | 264 | 657 | Theo Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 26/8/2016  |
| 3 | Trung tâm nghề cá lớn Đà Nẵng: | 2.980 | 1.155 | 165 | 1.660 | Nhu cầu nguồn vốn tạm tính bằng mức trung bình của các Trung tâm NCL Hải Phòng và Kiên Giang |
| 4 | Trung tâm nghề cá lớn Khánh Hòa | 2.980 | 1.155 | 165 | 1.660 |
| 5 | Trung tâm nghề cá lớn Bà Rịa - Vũng Tàu | 2.980 | 1.155 | 165 | 1.660 |
|  | **TỔNG CỘNG:** | **14.900** | **5.774** | **819** | **8.307** |  |

Tuy nhiên, theo thông báo kế hoạch vốn ngân sách đầu tư trung hạn 2016-2020 được bố trí đầu tư xây dựng các Trung tâm nghề cá là 100 tỷ đồng, thấp hơn nhiều so với nhu cầu (14.900 tỷ đồng), trong đó vốn qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 50 tỷ đồng cho 2 cảng cá Thọ Quang (Đà Nẵng) và Tắc Cậu (Kiên Giang), vốn ngân sách địa phương là 50 tỷ đồng cho cảng cá Tắc Cậu (Kiên Giang).

b) Tiêu chí đối với cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm

Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ *(Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030),* **Cảng cá động lực** là cảng cá Loại I, được kết nối với hệ thống các hạ tầng kinh tế, xã hội, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các tiêu chí sau:

- Đáp ứng lượng hàng thủy sản qua cảng trên 100.000 tấn/năm, có cầu cảng cho tàu cá công suất đến 2.000CV.

- Đảm bảo cho trên 1.000 tàu cá, cỡ tàu có công suất lớn nhất đến 600CV có thể neo đậu, tránh trú bão trong vùng nước cảng.

- Các trang thiết bị chủ yếu, dây chuyền xếp dỡ hàng hóa được cơ giới hóa 100%.

- Đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cá - Điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (trong đó 100% chất thải được xử lý, nước thải đạt chuẩn B của quy chuẩn nước thải công nghiệp).

- Diện tích vùng đất cảng trên bờ từ 15ha trở lên.

- Khu bến cảng bao gồm cầu cảng (cầu cảng chuyên dụng cho đối tượng khai thác, cầu cảng tổng hợp, cầu cảng quốc tế), nhà tập kết, phân loại sản phẩm thủy sản, khu mặt nước, luồng, nhà quản lý, khu dịch vụ cảng, kho chuyên dụng, kho trung chuyển, khu xử lý nước thải, hệ thống cấp điện và chiếu sáng, hệ thống cấp nước ngọt, xăng dầu.

- Kết nối với các khu chức năng đặc thù thủy sản (chế biến thủy sản, sửa chữa, sản xuất ngư lưới cụ, cơ khí đóng sửa đáp ứng cho tàu thuyền công suất lớn, vật liệu vỏ, thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc, chợ thủy sản đầu mối), các cơ sở chuyên ngành thủy sản (cơ quan kiểm ngư, đăng kiểm tàu cá, cứu hộ, cứu nạn, quản lý chất lượng, đào tạo, nghiên cứu thủy sản).

- Khuyến khích bố trí kết nối với các khu phi thuế quan, dịch vụ thương mại, tài chính, tín dụng.

c) Về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm nghề cá lớn

- Là khu chức năng đặc thù bao gồm tổ hợp cảng cá động lực được kết nối với hệ thống các hạ tầng kinh tế, xã hội, dịch vụ hậu cần nghề cá đồng bộ, hiện đại; có quy mô cấp quốc gia; tạo động lực hỗ trợ khai thác hải sản đặc biệt là khai thác hải sản xa bờ.

- Mỗi Trung tâm nghề cá lớn gắn với mỗi ngư trường trọng điểm có chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức không gian gắn với lợi thế về kinh tế, xã hội, tài nguyên, nguồn nguyên liệu; hạ tầng kỹ thuật; có ranh giới và quy chế hoạt động riêng, làm đầu mối sản xuất, thương mại, dịch vụ hậu cần nghề cá trong thể liên hoàn, liên kết để giảm chi phí, tăng sức cạnh tranh.

d) Các thành phần thuộc Trung tâm nghề cá lớn

Mỗi Trung tâm nghề cá lớn được hình thành cơ bản sẽ bao gồm 3 thành phần chính sau:

*-* Cảng cá động lực.

*-* Các khu chức năng đặc thù.

*-* Các cơ sở chuyên ngành: cơ sở đào tạo, nghiên cứu, tài chính, ngân hàng, trung tâm hội chợ triển lãm ...

**III. CÁC Chính sách đầu tư ƯU ĐÃI đối với cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn**

**1. Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014** của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [67/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-67-2014-nd-cp-chinh-sach-phat-trien-thuy-san-238831.aspx):

a) Ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng các hạng mục thiết yếu của cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng (bao gồm cầu cảng; kè bờ, kè chắn sóng, chắn cát; nạo vét luồng ra vào cảng, vùng nước neo đậu tàu; công trình neo buộc tàu; hệ thống xử lý nước thải; nhà phân loại; nhà điều hành; sân và đường nội bộ; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống phao tiêu, báo hiệu, đèn tín hiệu; hệ thống thông tin liên lạc chuyên dùng) và đầu tư xây dựng 05 Trung tâm nghề cá lớn (cảng cá động lực).

b) Ngân sách trung ương đầu tư 100% tổng mức đầu tư (kể cả giải phóng mặt bằng, các hạng mục hạ tầng thiết yếu và các hạng mục khác) đối với các tuyến đảo, bao gồm các dự án cảng cá (cảng loại I, loại II) và khu neo đậu tránh trú bão thuộc tuyến đảo.

c) Ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng các dự án do Bộ, ngành trung ương quản lý đối với các hạng mục hạ tầng đầu mối vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; vùng sản xuất giống tập trung bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung; nâng cấp cơ sở hạ tầng các Trung tâm giống thủy sản quốc gia, Trung tâm giống thủy sản cấp vùng; Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản, Trung tâm khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản cấp trung ương và cấp vùng.”

d) Ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển bao gồm hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè.

đ) Đối với kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư thủy sản nêu trên do ngân sách địa phương đảm bảo, kể cả các dự án của Trung ương tại địa phương.

**2. Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015** và Quyết định số 887/QĐ-TTg ngày 17/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: Đối với cảng cá nằm trong Trung tâm nghề cá lớn, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện đầu tư đồng bộ các hạng mục gồm: Cầu cảng; kè bờ, kè chắn sóng, kè chắn cát; nạo vét luồng ra vào cảng, vùng nước neo đậu tàu; công trình neo buộc tàu; hệ thống phao tiêu, báo hiệu, đèn tín hiệu; hệ thống thông tin liên lạc chuyên dùng; hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; hệ thống cấp điện, chiếu sáng; nhà điều hành; nhà phân loại và mua bán thủy sản; hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải.

**3. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2017** của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn *(Điều 13, NĐ57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018):*

- Doanh nghiệp có dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên được hỗ trợ 200 triệu đồng/ha để xây dựng hạ tầng, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường. Diện tích nuôi tăng lên mức hỗ trợ được tăng lên tương ứng. Mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Doanh nghiệp có dự án xây dựng bến cảng phục vụ vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản, khu neo đậu tàu thuyền, hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước, công trình thủy lợi làm dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ không quá 20 tỷ đồng/dự án.

**4. Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018** của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư *(Điều 59 - Một số ưu đãi trong đầu tư dự án PPP):*

a) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được Nhà nước giao hoặc được miễn hoặc được giảm tiền thuê đất trong thời gian thực hiện dự án phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

d) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

**5. Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017** của Chính phủ về tín dụng đầu tư của nhà nước:

- Danh mục dự án hạ tầng ngành thủy sản được vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước tại Mục II, Phụ lục kèm theo Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017

- Điều kiện, mức vốn, thời hạn, mức lãi suất … thực hiện theo quy định tại Chương II, Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017.

**6. Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/7/2017** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững:

a) Tổng vốn thực hiện chương trình: **49.248 tỷ đồng**. Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: **4.300 tỷ đồng;**

- Vốn ODA: **1.600 tỷ đồng.**

- Vốn huy động hợp pháp khác: **43.348 tỷ đồng.**

b) Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

- Chủ động sản xuất trong nước 100% giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực; 100% giống tôm sú, tôm chân trắng, cá tra là giống sạch bệnh.

- 100% diện tích nuôi tập trung thâm canh các đối tượng nuôi chủ lực đạt chứng nhận VietGAP hoặc chứng nhận tương đương (GlobalGAP, ASC. BAP).

- Công suất cảng cá tăng thêm khoảng 350.000 tấn hàng qua cảng/năm, công suất neo đậu tăng thêm khoảng 15.000 tàu.

- Tàu cá khai thác vùng khơi được cung cấp bản tin dự báo ngư trường. Bảo đảm hoạt động của lực lượng kiểm ngư thực hiện các nhiệm vụ thực thi pháp luật về thủy sản.

**7. Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015** và Quyết định số 887/QĐ-TTg ngày 17/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030:

a) Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu của cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

b) Tăng cường và tập trung vốn để đầu tư xây dựng, nhất là các cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng tại các đảo có vị trí quan trọng, gần ngư trường trọng điểm và các cảng cá có khả năng kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; nhanh chóng hình thành hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác thủy sản phát triển.

c) Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng, quản lý cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh của cảng cá theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện việc thu phí tại cảng cá, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân quản lý cảng cá có nguồn kinh phí để duy trì hoạt động, sửa chữa, duy tu các công trình của cảng cá.

e) Chú trọng áp dụng đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để thu hút vốn đầu tư cảng cá loại I. Trong giai đoạn 2016 – 2020, tập trung vốn đầu tư 5 cảng cá loại I tại Trung tâm nghề cá lớn (cảng cá động lực).

f) Đối với các cảng cá loại I, dành quỹ đất thích hợp để xây dựng trung tâm dịch vụ hậu cần tại cảng, kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia, từng bước tạo thành mạng lưới kết cấu hạ tầng, dịch vụ hậu cần hiện đại.

g) Áp dụng cơ chế chuyển nhượng quyền sử dụng đất các cảng cá nằm trong khu đô thị nhưng phải chuyển đổi mục đích sử dụng, di dời theo quy hoạch.

h) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia nạo vét, duy tu cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá không sử dụng ngân sách nhà nước tại những nơi có điều kiện phù hợp.

i) Áp dụng cơ chế cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng cá được xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách theo quy định của pháp luật.

**IV. GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC TRUNG TÂM NGHỀ CÁ LỚN**

**1. Đối với hệ thống kế cấu hạ tầng trong các cảng cá động lực**

a) Xã hội hóa kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng công trình thủy sản:

- Đối với cầu cảng, luồng, công trình neo đậu tàu, công trình cấp thoát, xử lý nước thải, hạ tầng khu sản xuất giống tập trung, trung tâm giống: Ưu tiên kêu gọi nhà đầu tư đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng để cùng khai thác, kinh doanh.

- Đối với nhà phân loại sản phẩm, kho, bãi hàng, các khu dịch vụ hậu cần của các cảng cá, cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định trong các khu sản xuất giống, vùng nuôi chuyên canh tập trung: Ưu tiên kêu gọi nhà đầu tư đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng và thực hiện kinh doanh, khai thác trong thời gian nhất định.

- Nhà đầu tư có thể tham gia đầu tư, khai thác trên quỹ đất thuộc công trình hạ tầng thủy sản: Cảng cá, khu sản xuất giống thủy sản tập trung và diện tích mặt nước thuộc công trình hạ tầng thủy sản: luồng, vùng nước neo đậu của cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.

- Thực hiện chính sách giá, phí phù hợp với cơ chế thị trường tại cảng cá, khu neo đậu tàu cá, vùng sản xuất giống, vùng nuôi thủy sản, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân quản lý cảng cá, vùng sản xuất giống… có nguồn kinh phí để duy trì hoạt động, sửa chữa, duy tu các công trình chia sẻ rủi ro với các nhà đầu tư và bảo đảm hiệu quả đầu tư.

b) Nhượng quyền khai thác công trình hạ tầng thủy sản đã đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước không ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, quyền sở hữu tài sản của nhà nước:

Cảng cá, khu sản xuất giống tập trung, trung tâm giống thủy sản tại các vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi hoặc gắn kết với chuỗi sản xuất quy mô lớn sẽ được nhượng quyền kinh doanh, khai thác cho nhà đầu tư trong một thời gian nhất định. Trong quá trình quản lý, khai thác, nhà đầu tư chịu trách nhiệm bảo trì; đảm bảo an toàn công trình, đảm bảo an sinh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường.

**2. Đối với hệ thống kết cấu hạ tầng xây mới**

- Nhà đầu tư có thể tham gia xây dựng một phần hoặc toàn bộ dự án theo hình thức hợp tác đối tác công tư (PPP)... trên cơ sở Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ *(thuế, phí, lãi vay, thời gian vay, tỷ giá, bảo lãnh doanh thu...)*; phần vốn của Nhà nước tham gia công tác giải phóng mặt bằng, phần vốn đầu tư các hạng mục công trình liên quan trực tiếp đến đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn dân sinh (neo đậu tránh trú bão, cầu tàu kết hợp quân sự trên các đảo…), đầu tư các công trình kết nối thuận tiện công trình thủy sản với mạng lưới giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc từng bước tạo thành mạng lưới kết cấu hạ tầng, dịch vụ hậu cần hiện đại.

- Nhà đầu tư có thể được chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán tài sản trên đất của các cảng cá, khu nghiên cứu, sản xuất giống thủy sản… nằm trong khu đô thị nhưng phải chuyển đổi mục đích sử dụng, di dời theo quy hoạch. Nguồn kinh phí thu được sẽ được nhà nước thực hiện đầu tư các công trình mới.

- Kêu gọi nhà đầu tư tham gia nạo vét, duy tu cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp tận thu sản phẩm, khai thác khoáng sản, vật liệu không sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thí điểm phương án hoàn trả các dự án BT hạ tầng thủy sản bằng khai thác quỹ đất, diện tích mặt nước biển tạo nên do lấn biển, mở rộng đảo tận thu sản phẩm nạo vét khi đầu tư xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.

- Kêu gọi nhà đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng thông tin quản lý nghề cá; cơ sở đăng kiểm tàu cá). Sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư được quyền cung cấp dịch vụ trên cơ sở vận hành, khai thác công trình đó trong một thời hạn nhất định.

- Thu hút vốn vay ODA để xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá: Cảng cá, bến cá, chợ cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá…; hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung (hệ thống cấp thoát nước đầu mối, đê bao, kè, đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung); cơ sở hạ tầng các khu/vùng sản xuất giống tập trung, hệ thống thông tin quản lý nguồn lợi và nghề cá xa bờ.

- Thu hút vốn vay ưu đãi để Nâng cấp cơ sở hạ tầng các cơ sở giống thủy sản cấp vùng và cấp tỉnh; Xây dựng các khu nuôi trồng thuỷ sản áp dụng công nghệ tiên tiến; Xây dựng cơ sở vật chất quan trắc cảnh báo môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản.

**V. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Tổng cục Thủy sản:

- Chủ trì đề xuất. rà soát, cập nhật, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, Chiến lược, Quy hoạch có liên quan đến công tác thu hút vốn ngoài ngân sách đầu tư kết cấu hạ Trung tâm nghề cá lớn.

- Chủ trì đề xuất danh mục thực hiện các chương trình, dự án kêu gọi xã hội hóa đầu tư (đầu tư trực tiếp, đối tác công tư...) trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chủ trì xây dựng các quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện đầu tư, Hợp đồng dự án mẫu cho các dự án PPP lĩnh vực kết cấu hạ tầng thủy sản, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc phối hợp các Bộ, ngành ban hành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, tuyên truyền thông tin đầu tư và các chính sách có liên quan đến đầu tư kết cấu hạ tầng thủy sản.

- Xây dựng một số dự án thu hút đầu tư (Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư…).

- Đơn vị đầu mối thẩm định, trình Bộ phê duyệt đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư lĩnh vực thủy sản.

b) Vụ Kế hoạch:

- Chủ trì tham mưu bố trí phần vốn Nhà nước hỗ trợ các dự án PPP trong kế hoạch trung hạn, kế hoạch hàng năm.

- Chủ trì rà soát, đề xuất bổ sung các dự án ưu tiên theo hình thức PPP trong kế hoạch trung hạn 2016-2020 và ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn 2021-2025.

- Tổng hợp nội dung xúc tiến đầu tư hạ tầng thủy sản với các nhà đầu tư, nhà tài trợ vốn trong các hoạt động xúc tiến đầu tư của Bộ.

c) Vụ Hợp tác Quốc tế:

- Chủ trì đàm phán, thu hút nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy sản.

- Tổng hợp đề xuất mở rộng cho khối doanh nghiệp và tư nhân được sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi khi đàm phán, xây dựng văn kiện dự án.

d) Vụ Tổ chức cán bộ:

- Chủ trì tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, phân giao rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp quản lý các dự án PPP ngành nông nghiệp giữa các đơn vị tham mưu thuộc Bộ.

- Hướng dẫn chuyển đổi mô hình hoạt động của các đơn vị quản lý vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng thủy sản (Ban quản lý cảng cá, trung tâm giống....).

đ) Vụ Quản lý doanh nghiệp :

Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp thủy sản đồng thời có giải pháp khuyến khích doanh nghiệp sau cổ phần tiếp tục đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng kết cấu hạ tầng thủy sản để sản xuất kinh doanh lâu dài.

e) Vụ Khoa học, công nghệ và môi trường

- Chủ trì thẩm định trình Bộ các văn bản liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Chủ trì tham mưu về đổi mới công tác khoa học kỹ thuật và đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hoá công tác xây dựng, quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng ngành trong đó có thủy sản.

**2. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố**

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc chủ động đề xuất, kêu gọi đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư cơ sở hạ tầng thủy sản trên địa bàn.

- Tạo điều kiện tối đa cho các nhà đầu tư tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng thủy sản theo quy định của pháp luật.

- Chủ động xây dựng các chính sách đặc thù của địa phương để thu hút vốn ngoài ngân sách, hỗ trợ nhà đầu tư, nâng cao hiệu quả của dự án.

**TỔNG CỤC THỦY SẢN**